

**BẢN SAO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN**  
**VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**  
*cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*  
*kèm theo*  
**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	02-03
<b>Báo cáo Kiểm toán</b>	04-05
<b>Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán</b>	06-18
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11-18

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Xây dựng Công trình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### CÔNG TY

Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Xây dựng Công trình Giao thông được thành lập từ việc chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Xây dựng Công trình Giao thông, thành lập theo Quyết định số 2863 ngày 11 tháng 11 năm 1998 của Bộ Giao thông vận tải. Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Xây dựng Công trình hoạt động theo giấy Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 01 năm 2011. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phá dỡ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Giám sát thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn công trình; Lập tổng dự toán các công trình xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng và công nghiệp; Khảo sát, thiết kế các công trình cầu, đường bộ, công trình hầm giao thông, các công trình phụ trợ trên đường; Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Thí nghiệm để cung cấp thông số kỹ thuật về vật liệu, kết cấu công trình (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Tư vấn kiểm định chất lượng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật dân dụng và công nghiệp (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế xây dựng và tổng dự toán các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng và công nghiệp (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ thầu các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp; Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp; Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình./.

Vốn điều lệ của Công ty là 2.794.711.511 VND (Hai tỷ bảy trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm mười một nghìn năm trăm mười một đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại số 54 phố Triều Khúc - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính là: 38.433.785 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là: 0 VND.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện nào trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải trình bày hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc bao gồm:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông: Nguyễn Trường Trung	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các Quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2013

**Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**  
  
**Nguyễn Trường Trung**

*(Seal: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI)*

Số : 2/2013/BCKT-TC/AAT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Xây dựng Công trình*

**Kính gửi : Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng Công trình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 20/05/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 18 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### ***Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên:***

- Do được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày kết thúc niên độ kế toán nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ. Các số liệu này được ghi nhận theo báo cáo của Công ty. Bằng những thủ tục kiểm toán bổ sung và thay thế, chúng tôi cũng không xác định được tính đúng đắn và hiện hữu của các khoản mục trên.
- Các khoản công nợ phải thu chưa có đầy đủ biên bản đối chiếu xác nhận công nợ tại thời điểm 31/12/2012. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không đủ cơ sở đưa ra ý kiến về số dư của các khoản mục trên, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu có liên quan khác đang ghi nhận trong năm.
- Doanh thu năm 2012 được ghi nhận theo hóa đơn phát hành.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên, thuyết minh số V.16 và ảnh hưởng của nó, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Xây dựng Công trình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính có liên quan.

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và

**Tư vấn Thuế AAT**



**Dương Thị Thảo**  
Chứng chỉ KTV số: 0162/KTV

**Kiểm toán viên**

**ĐỒNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày 02-12-2014

STCT: 1123 Quyền số: SCTBS  
**Trần Thị Nguyệt**  
Chứng chỉ KTV số: 0589KTV



**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thanh Ngân**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>6.074.306.991</b>	<b>6.641.068.269</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>796.586.663</b>	<b>1.081.181.657</b>
111	1. Tiền	V.01	796.586.663	1.081.181.657
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>V.02</b>	-	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>680.295.126</b>	<b>415.524.204</b>
131	1. Phải thu khách hàng		863.427.052	470.019.433
132	2. Trả trước cho người bán		-	-
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	V.03	223.622	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>V.04</b>	<b>2.902.943.083</b>	<b>3.681.267.105</b>
141	1. Hàng tồn kho		2.902.943.083	3.681.267.105
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.694.482.119</b>	<b>1.463.095.303</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	V.05	-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.694.482.119	1.463.095.303
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>9.507.220</b>	<b>161.699.267</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ	V.06	-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	V.07	-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>9.507.220</b>	<b>157.945.858</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	9.507.220	157.945.858
222	- Nguyên giá		2.323.782.969	2.312.512.060
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.314.275.749)	(2.154.566.202)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.09	-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	-	-
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>V.12</b>	-	-
241	- Nguyên giá		-	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.13	-	-
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		-	<b>3.753.409</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	-	3.753.409
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.21	-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.083.814.211</b>	<b>6.802.767.536</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị:

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.281.062.875</b>	<b>4.001.083.627</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.281.062.875</b>	<b>4.001.083.627</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.15	-	-
312	2. Phải trả người bán		223.534.700	832.953.083
313	3. Người mua trả tiền trước		2.231.981.000	2.447.746.800
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	628.601.025	531.902.086
315	5. Phải trả người lao động		-	-
316	6. Chi phí phải trả	V.17	-	-
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.18	196.946.150	183.230.167
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	5.251.491
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ	V.19	-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.20	-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.21	-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.802.751.336</b>	<b>2.801.683.909</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.22	<b>2.802.751.336</b>	<b>2.801.683.909</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.725.508.323	2.691.383.416
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		51.294.170	88.195.029
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		25.948.843	22.105.464
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp		-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.083.814.211</b>	<b>6.802.767.536</b>



### CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
	- USD			
	- EUR			
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Phùng Thị Hoàng Yến

Kế toán trưởng

Phùng Thị Hoàng Yến

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2013



Nguyễn Trường Trung

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND	
				Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	3.663.642.408		3.439.163.333
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.26	-		-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.27	3.663.642.408		3.439.163.333
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.28	3.138.180.706		3.061.161.030
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		525.461.702		378.002.303
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.29	13.427.027		5.953.603
22	7. Chi phí tài chính	VI.30	-		-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-		-
24	8. Chi phí bán hàng		-		-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		492.302.323		346.867.751
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.586.406		37.088.155
31	11. Thu nhập khác		-		18.692.875
32	12. Chi phí khác		-		19.015
40	13. Lợi nhuận khác		-		18.673.860
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		46.586.406		55.762.015
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.31	8.152.621		13.940.504
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-		-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<b>38.433.785</b>		<b>41.821.511</b>

Người lập biểu



Phùng Thị Hoàng Yến

Kế toán trưởng



Phùng Thị Hoàng Yến

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2013



Nguyễn Trường Trung

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012


Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ		3.354.438.000	4.715.506.000
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và		(1.547.437.398)	(1.993.009.015)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(434.579.200)	(387.012.000)
04	4. Tiền chi trả lãi vay			
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp			
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		175.324.089	398.973.658
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.821.069.576)	(2.042.455.261)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(273.324.085)</b>	<b>692.003.382</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các		(11.270.909)	
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(11.270.909)</b>	<b>-</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay			
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	5.953.603
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>5.953.603</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(284.594.994)</b>	<b>697.956.985</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>1.081.181.657</b>	<b>383.224.672</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối			
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>796.586.663</b>	<b>1.081.181.657</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2013

  
Phùng Thị Hoàng Yến

  
Phùng Thị Hoàng Yến

  
Nguyễn Trường Trung

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Xây dựng Công trình Giao thông được thành lập từ việc chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Xây dựng Công trình Giao thông, thành lập theo Quyết định số 2863 ngày 11 tháng 11 năm 1998 của Bộ Giao thông vận tải. Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Xây dựng Công trình hoạt động theo giấy Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 01 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại số 54 phố Triều Khúc - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình giao thông.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phá dỡ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Giám sát thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn công trình; Lập tổng dự toán các công trình xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng và công nghiệp; Khảo sát, thiết kế các công trình cầu, đường bộ, công trình hầm giao thông, các công trình phụ trợ trên đường; Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; Thí nghiệm để cung cấp thông số kỹ thuật về vật liệu, kết cấu công trình (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Tư vấn kiểm định chất lượng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật dân dụng và công nghiệp (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế xây dựng và tổng dự toán các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng và công nghiệp (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ thầu các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp; Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp (trong phạm vi chứng chỉ đăng ký); Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng, công nghiệp; Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình.

### II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên máy tính.

#### **4. Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

### **IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao chậm được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị

10-12 năm

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn. Công ty phân bổ chi phí trả trước dài hạn trong hai năm theo tỷ lệ 50% một năm.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ

(-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở để xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trên cơ sở có quyết toán khối lượng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

Doanh thu được ghi nhận khi phát hành hóa đơn GTGT.

## 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

## 14. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được xử lý theo Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

## 15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

### a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

### b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

## 16. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**V.01 . TIỀN**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	4.127.282	1.154.586
Tiền gửi ngân hàng	792.459.381	1.080.027.071
Tiền đang chuyển		
<b>Cộng</b>	<b>796.586.663</b>	<b>1.081.181.657</b>

**V.02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**V.03 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Phải thu khác	223.622	-
Phải trả, phải nộp khác (Dư nợ)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>223.622</b>	<b>-</b>

**V.04 . HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.902.943.083	3.681.267.105
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>2.902.943.083</b>	<b>3.681.267.105</b>

**V.05 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

**V.06 . PHẢI THU DÀI HẠN NỘI BỘ**

**V.07 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

**V.08 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm		2.312.512.060			2.312.512.060
Số tăng trong năm	-	-	-	11.270.909	11.270.909
- Mua trong năm				11.270.909	11.270.909
- Đầu tư XD CB h. thành					-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	2.312.512.060	-	11.270.909	2.323.782.969
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm		2.154.566.202			2.154.566.202
Số tăng trong năm	-	157.945.858	-	1.763.689	159.709.547
- Khấu hao trong năm		157.945.858		1.763.689	159.709.547
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	2.312.512.060	-	1.763.689	2.314.275.749
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	-	157.945.858	-	-	157.945.858
Tại ngày cuối năm	-	-	-	9.507.220	9.507.220

**V.09 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

**V.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

**V.11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**



**V.12 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

**V.13 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

**V.14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng	-	3.753.409
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.753.409</b>

**V.15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

**V.16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	590.823.917	498.319.070
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.553.486	33.583.016
Thuế thu nhập cá nhân	223.622	-
Thuế tài nguyên	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>628.601.025</b>	<b>531.902.086</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Trong năm, Công ty đã thực hiện xuất hóa đơn và hạch toán doanh thu là: 3.663.642.408 VND, thuế GTGT tương ứng là: 366.364.341 VND nhưng Công ty mới kê khai doanh thu là: 1.742.419.670, thuế GTGT tương ứng là: 174.241.967 VND.

**V.17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

**V.18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	196.946.150	183.230.167
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Các khoản phải thu khác (dư có)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>196.946.150</b>	<b>183.230.167</b>

**V.19 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ**

**V.20 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

**V.21 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

**V.22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.691.383.416	88.195.029	17.923.313		2.797.501.758
Tăng vốn trong năm trước					
Lãi trong năm trước				41.821.511	41.821.511
Tăng khác			4.182.151		4.182.151
Lỗ trong năm trước					
Giảm khác				41.821.511	41.821.511
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>2.691.383.416</b>	<b>88.195.029</b>	<b>22.105.464</b>	<b>-</b>	<b>2.801.683.909</b>
Tăng vốn trong năm nay	34.124.907				34.124.907
Lãi trong năm nay				38.433.785	38.433.785
Tăng khác			3.843.379	4.182.151	8.025.530
Lỗ trong năm nay					-
Giảm khác		36.900.859		42.615.936	79.516.795
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>2.725.508.323</b>	<b>51.294.170</b>	<b>25.948.843</b>	<b>-</b>	<b>2.802.751.336</b>

**V.24 . TÀI SẢN THUÊ NGOÀI**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**VI.25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	843.692.546	130.499.091
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.819.949.862	3.308.664.242
<b>Cộng</b>	<b>3.663.642.408</b>	<b>3.439.163.333</b>

**VI.26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

**VI.27 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	843.692.546	130.499.091
Doanh thu thuần về hợp đồng xây dựng	2.819.949.862	3.308.664.242
<b>Cộng</b>	<b>3.663.642.408</b>	<b>3.439.163.333</b>

**VI.28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa dịch vụ	562.297.604	58.334.000
Giá vốn của HĐ Xây dựng	2.575.883.102	3.002.827.030
<b>Cộng</b>	<b>3.138.180.706</b>	<b>3.061.161.030</b>

**VI.29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.427.027	5.953.603
<b>Cộng</b>	<b>13.427.027</b>	<b>5.953.603</b>

**VI.30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

**VI.31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.586.406	55.762.015
Tổng thu nhập chịu thuế (4) = (1) + (2) - (3)	-	-
Thuế suất (%)	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.646.602	13.940.504
Thuế TNDN được giảm theo TT 140/2012/TT-BTC	3.493.980	
<b>Thuế TNDN phải nộp trong năm hiện hành</b>	<b>8.152.621</b>	<b>13.940.504</b>

**VI.32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**VI.33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- 1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
  - a) Các khoản phải thu khách hàng và trả trước cho người bán
  - b) Các khoản phải trả người bán và người mua trả trước
- 2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- 3 . Thông tin về các bên liên quan
- 4 . Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận
- 5 . Số liệu so sánh  
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT kiểm toán.
- 6 . Thông tin về hoạt động liên tục  
Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.
- 7 . Những thông tin khác  
Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

  
Phùng Thị Hoàng Yến

Kế toán trưởng

  
Phùng Thị Hoàng Yến

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2013

**Giám đốc**

  
**Nguyễn Trường Trung**

*(Seal: M.S.D.N. 010086388 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI)*